

**BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ
XÉT CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SGDĐT ngày tháng 8 năm 2025
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên trường	Số HS dự thi	Số tốt nghiệp		Diện xét TN		Ghi chú
			Tổng số	Tỷ lệ	Diện 2	Diện 3	
1	35001-Trường THPT Trần Kỳ Phong	441	440	99,77	1	0	
2	35002-Trường THPT Lê Quý Đôn	390	388	99,49	0	0	
3	35003-Trường THPT Bình Sơn	468	467	99,79	2	0	
4	35004-Trường THCS và THPT Vạn Tường	414	414	100	1	0	
5	35005-Trung tâm GDNN-GDTX huyện Bình Sơn	110	93	84,55	1	0	
6	35006-Trường THPT Ba Gia	448	446	99,55	7	0	
7	35007-Trường THPT Tư thực Trương Định	44	43	97,73	0	0	
8	35008-Trường THPT Võ Nguyên Giáp	547	545	99,63	2	0	
9	35009-Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	420	419	99,76	6	0	
10	35010-Trường THPT Sơn Mỹ	387	382	98,71	2	0	
11	35011-Trường THPT Trần Quốc Tuấn	656	656	100	11	0	
12	35012-Trường THPT Lê Trung Đình	491	491	100	7	0	
13	35013-Trường THPT Chuyên Lê Khiết	436	436	100	15	0	
14	35014-Trường PT DTNT THPT tỉnh Quảng Ngãi	195	195	100	5	190	
15	35016-Trường THPT Tư thực Hoàng Văn Thụ	367	366	99,73	3	1	
16	35018-Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Ngãi	190	171	90	2	1	
17	35019-Trường THPT Số 1 Tư Nghĩa	476	476	100	0	0	
18	35020-Trường THPT Chu Văn An	326	324	99,39	1	0	
19	35021-Trường THPT Số 2 Tư Nghĩa	356	354	99,44	11	1	
20	35022-Trường THPT Thu Xà	353	348	98,58	0	0	

TT	Tên trường	Số HS dự thi	Số tốt nghiệp		Diện xét TN		Ghi chú
			Tổng số	Tỷ lệ	Diện 2	Diện 3	
21	35024-Trường THPT Số 1 Nghĩa Hành	356	356	100	9	0	
22	35025-Trường THPT Nguyễn Công Phương	220	217	98,64	6	0	
23	35028-Trường THPT Số 2 Mộ Đức	352	352	100	5	0	
24	35029-Trường THPT Phạm Văn Đồng	350	349	99,71	3	0	
25	35030-Trường THPT Nguyễn Công Trứ	255	255	100	5	0	
26	35031-Trường THPT Trần Quang Diệu	348	348	100	3	0	
27	35032-Trung tâm GDNN-GDTX huyện Mộ Đức	159	138	86,79	0	0	
28	35037-Trường THPT Ba Tơ	324	323	99,69	62	235	
29	35038-Trường THPT Phạm Kiệt	136	135	99,26	33	102	
30	35039-Trung tâm GDNN-GDTX huyện Ba Tơ	35	35	100	7	26	
31	35040-Trường THPT Minh Long	162	162	100	36	126	
32	35042-Trường THPT Quang Trung	278	277	99,64	61	216	
33	35043-Trường THPT Sơn Hà	275	275	100	106	168	
34	35044-Trường THCS và THPT Phạm Kiệt	187	187	100	24	163	
35	35046-Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	154	152	98,70	27	125	
36	35048-Trường THPT Trà Bồng	295	285	96,61	19	151	
37	35070-Trường THPT số 1 Đức Phổ	400	400	100	2	0	
38	35071-Trường THPT Lương Thế Vinh	300	299	99,67	2	1	
39	35073-Trung tâm GDNN-GDTX thị xã Đức Phổ	227	194	85,46	3	0	
40	35074-Trường THPT Tây Trà	136	136	100	3	129	
41	35075-Trường Liên cấp Thành phố Giáo dục Quốc tế - IEC Quảng Ngãi	45	45	100	3	0	
42	35076-Trường THPT số 2 Nghĩa Hành	184	184	100	30	6	
43	35078-Trường THPT Lý Sơn	251	250	99,60	250	0	

TT	Tên trường	Số HS dự thi	Số tốt nghiệp		Diện xét TN		Ghi chú
			Tổng số	Tỷ lệ	Diện 2	Diện 3	
44	35079-Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Ngãi (Dung Quất)	157	117	74,52	6	11	
45	35080-Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Ngãi (Việt Hàn)	167	136	81,44	3	6	
46	35081-Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Ngãi (Cơ giới)	215	195	90,70	7	7	
47	35082-Trường THCS và THPT Phó Mục Gia	105	104	99,05	2	0	
48	35083-Trường THPT số 2 Đức Phổ	375	371	98,93	1	0	
49	35084-Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Ngãi (Lý Sơn)	23	21	91,30	21	0	
50	35085-Trung tâm GDTX tỉnh Quảng Ngãi (Trà Bồng)	21	21	100	3	6	
51	35901-Trường THPT Bình Sơn	6	6	100	0	0	
52	35902-Trường THPT Ba Gia	1	1	100	0	0	
53	35903-Trường THPT Trần Quốc Tuấn	5	3	60	0	0	
54	35904-Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	2	0	0	0	0	
55	35905-Trường THPT số 1 Nghĩa Hành	5	3	60	1	0	
56	35906-Trường THPT Phạm Văn Đồng	4	3	75	0	0	
57	35907-Trường THPT số 1 Đức Phổ	6	3	50	0	0	
58	35913-Trường THPT Lý Sơn	1	1	100	1	0	
59	36001-THPT Kon Tum	470	470	100	126	2	
60	36002-PT DTNT tỉnh	154	152	98,70	3	149	
61	36003-THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	236	236	100	53	3	
62	36005-PT DTNT Sa Thầy	98	97	98,98	5	92	
63	36007-PT DTNT Đăk Tô	81	78	96,30	1	77	
64	36022-PT DTNT Đăk Glei	148	147	99,32	4	143	
65	36024-PT DTNT Kon Rẫy	74	74	100	27	47	
66	36025-THPT Lê Lợi	263	262	99,62	106	39	
67	36026-THPT Nguyễn Văn Cừ	254	254	100	227	26	

TT	Tên trường	Số HS dự thi	Số tốt nghiệp		Diện xét TN		Ghi chú
			Tổng số	Tỷ lệ	Diện 2	Diện 3	
68	36027-THPT Nguyễn Trãi	407	407	100	308	99	
69	36030-THPT Trần Quốc Tuấn	331	331	100	265	19	
70	36031-PT DTNT Tu Mơ Rông	110	110	100	5	105	
71	36033-THPT Lương Thế Vinh	194	193	99,48	72	117	
72	36034-THPT Quang Trung	221	220	99,55	203	17	
73	36035-THPT Chu Văn An	106	103	97,17	73	28	
74	36036-THPT Ngô Mây	156	155	99,36	82	60	
75	36046-THPT Phan Bội Châu	95	95	100	48	47	
76	36047-THPT Phan Chu Trinh	138	138	100	36	99	
77	36050-Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Hà	35	35	100	21	14	
78	36051-Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Tô	35	30	85,71	14	16	
79	36052-Trung tâm GDNN-GDTX Ngọc Hồi	48	46	95,83	20	26	
80	36053-Trung tâm GDNN-GDTX Đăk Glei	13	13	100	0	13	
81	36054-Trung tâm GDNN-GDTX Sa Thầy	23	19	82,61	4	15	
82	36055-Trung tâm GDNN-GDTX Kon Rẫy	10	7	70	1	6	
83	36057-Trung tâm GDNN-GDTX Tu Mơ Rông	13	12	92,31	1	11	
84	36058-Phân hiệu PT DTNT Tỉnh tại Ia H'Drai	58	56	96,55	12	44	
85	36059-PTDTNT THPT huyện Kon Plông	146	146	100	19	126	
86	36062-THPT Duy Tân	347	343	98,85	79	13	
87	36063-Trung tâm GDTX Tỉnh	100	86	86	19	59	
88	36064-THPT Trường Chinh	266	266	100	74	57	
89	36065-THCS và THPT Liên Việt Kon Tum	150	150	100	67	5	
90	36066-PTDTNT THPT huyện Đăk Hà	282	281	99,65	170	100	
91	36979-PTDTNT THPT huyện Kon Plông_TDO_2006	1	1	100	0	1	

TT	Tên trường	Số HS dự thi	Số tốt nghiệp		Diện xét TN		Ghi chú
			Tổng số	Tỷ lệ	Diện 2	Diện 3	
92	36983-Trung tâm GDNN-GDTX Đắk Glei_TDO_2006	2	0	0	0	0	
93	36984-Trung tâm GDNN-GDTX Sa Thầy_TDO_2006	1	1	100	1	0	
94	36985-Trung tâm GDNN-GDTX Kon Rẫy_TDO_2006	4	0	0	0	0	
95	36987-Trung tâm GDNN-GDTX Tu Mơ Rông_TDO_2006	5	1	20	0	1	
Tổng cộng		19.112	18.808	98,41	2967	3.347	

Kết quả tốt nghiệp THPT

Tổng số: 18.808 Tỷ lệ: 98,41 %

Bằng chữ: Mười tám nghìn tám trăm lẻ tám.